

Bản án số: 155/2019/DS-PT

Ngày 17- 9- 2019

V/v “tranh chấp hợp đồng vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Ông Đặng Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Thị Trúc Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2019/TLPT - DS ngày 23 tháng 7 năm 2019, về “tranh chấp hợp đồng vay”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2019/DS - ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1972; Cư trú tại: ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Kim Tr, sinh năm 1972; Cư trú tại: đường H, khóm B, phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Phạm Thị Thanh Th; Cư trú tại: đường H, khóm B, phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Ông Trần Quang D; Cư trú tại: đường D, khóm B, phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Kim Tr là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/01/2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Hồng L trình bày:

Giữa bà L với bà Nguyễn Kim Tr là hàng xóm với nhau. Lúc cần tiền bà Tr có vay của bà L các lần như sau:

- Ngày 24/11/2016 vay số tiền 50.000.000đ vốn;
- Ngày 25/11/2016 vay số tiền 20.000.000đ vốn;
- Ngày 26/11/2016 vay số tiền 60.000.000đ vốn.

Tổng cộng số tiền bà Tr vay của bà L là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) vốn, có lập thành văn bản, vay không có thời hạn, lãi suất 05%/tháng, mục đích để bà Tr mua đất. Để đảm bảo khoản nợ vay, bà Tr có thể chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bà Nguyễn Kim Tr đứng tên, nhưng sau đó bà Tr đã lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình vay bà Tr có trả cho bà L 02 tháng tiền lãi bằng 13.000.000đ (01 lần do bà Tr trả và 01 lần do ông D trả), sau đó ngưng không trả tiền lãi nữa, bà L đến đòi tiền vốn và lãi nhiều lần nhưng bà Tr cứ hẹn mà không trả; đến đầu tháng 5/2018 bà Tr đã trả cho bà L tổng cộng được 55.000.000đ vốn rồi ngưng cho đến nay. Như vậy, hiện nay bà Tr còn nợ bà L 75.000.000đ vốn và tiền lãi từ tháng 3/2017 đến nay. Do bà Tr vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tr trả số tiền vốn 75.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/4/2019 cùng các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Kim Tr trình bày:

Bà Tr thừa nhận có vay tiền của bà L tổng cộng số tiền là 130.000.000đ, thời hạn vay, lãi suất và tài sản thế chấp như bà L trình bày là đúng. Sau khi vay bà Tr có trả cho bà L được 55.000.000đ vốn. Hiện nay bà Tr thừa nhận còn nợ bà L số tiền vốn là 75.000.000đ. Tuy nhiên, đối với số tiền lãi bà Tr đã trả mỗi tháng cho bà L là 6.500.000đ từ ngày vay đến tháng 4/2018 tổng cộng bằng 162.000.000đ. Nay bà Tr đồng ý hoàn trả cho bà L số tiền vốn 75.000.000đ, nhưng yêu cầu Hội đồng xét xử tính lại tiền lãi đã trả theo quy định của pháp luật, nếu trả vượt thì đề nghị khấu trừ vào vốn.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2019/DS-ST, ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng L.

Buộc bà Nguyễn Kim Tr có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Hồng L số tiền vốn vay bằng 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền, nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 19/6/2019 bị đơn bà Nguyễn Kim Tr kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc bà Tr

trả cho bà L số tiền 75.000.000đ, yêu cầu triệu tập người làm chứng Phạm Thị Thanh Th và Trần Quang D để làm rõ các vấn đề bà Tr trình bày trả lãi cho bà L từ năm 2016 đến năm 2018 để khấu trừ vào số tiền vốn mà bà Tr còn nợ bà L là 75.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người làm chứng bà Phạm Thị Thanh Th nộp đơn xin xét xử vắng mặt của bà Tr. Trong đơn bà Tr vẫn bảo lưu toàn bộ ý kiến kháng cáo như đơn kháng cáo đã nộp.

Bà L không chấp nhận kháng cáo của bà Tr và đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Bà Th cho rằng, bà là người làm công cho bà Tr. Bà Tr có giao tiền nhờ bà Th đóng lãi cho bà L nhiều lần, mỗi lần 6.500.000đ nhưng không có giấy tờ để chứng minh.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; các đương sự có mặt đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim Tr. Buộc bà Tr phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục:* Ngày 07/6/2019 bà Tr nhận được bản án sơ thẩm, ngày 19/6/2019 bà Tr kháng cáo là còn trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định, nên kháng cáo của bà Tr được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Xét việc, bà Tr thừa nhận còn nợ bà L 75.000.000đ vốn, nhưng không đồng ý trả cho bà L 75.000.000đ, yêu cầu Tòa khấu trừ vào số tiền lãi mà bà Tr đã trả cho bà L từ năm 2016 đến năm 2018. Nên theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự bà Tr phải có nghĩa vụ chứng minh cho việc bà có trả lãi cho bà L từ năm 2016 đến năm 2018, nhưng bà Tr không đưa ra được chứng cứ để chứng

minh cho lời trình bày của mình. Còn phía bà L chỉ thừa nhận có nhận lãi của bà Tr 13.000.000đ là không vượt mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Từ các căn cứ trên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Tr về khấu trừ tiền lãi đã trả vượt so với quy định của pháp luật vào tiền vốn.

[2]. Xét việc bà Tr yêu cầu Tòa triệu tập người làm chứng Phạm Thị Thanh Th và Trần Quang D để làm rõ các vấn đề bà Tr trình bày trả lãi cho bà L từ năm 2016 đến năm 2018. Tòa đã triệu tập người làm chứng theo đề nghị của bà Tr, bà Th là người làm công cho bà Tr có mặt cho rằng bà Tr có giao tiền nhờ bà Th đóng lãi cho bà L nhiều lần, mỗi lần 6.500.000đ nhưng không có giấy tờ để chứng minh. Còn ông D thì vắng mặt. Nên việc bà Tr cho rằng trả lãi cho bà L vượt so với quy định của Luật là không có cơ sở.

[3] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận cáo của bà Nguyễn Kim Tr, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Tr phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim Tr. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2019/DS-ST, ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Áp dụng: Khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, khoản 5 Điều 474 và khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng L.

Buộc bà Nguyễn Kim Tr có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Hồng L số tiền vốn vay bằng 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Về án phí:

2.1. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Kim Tr chịu 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Lê Thị Hồng L được nhận lại số tiền 2.240.000đ (hai triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0004321, ngày 01/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

2.2. Về án phí phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Kim Tr chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0004634, ngày 21/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà Tr không phải nộp thêm.

3. Về thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- CA TAT: 01b;
- TAND TP. Vĩnh Long: 01b;
- THADS TP. Vĩnh Long: 02b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: 06 b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường